

Bản án số: 152/2017/HSST  
Ngày: 12-12-2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Trương Huy  
2. Bà Đỗ Thị Minh Thúy

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn T** (tên gọi khác: KC); Sinh năm: 19-02-2001, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Thôn Phước Hiệp, xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Cư trú tại: Thôn Phước Hiệp, xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 3/12; Bố: Lê Văn Trí, mẹ: Nguyễn Thị Oanh; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con cả; Vợ, con: Không; Tiền án - Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang trú tại Thôn Phước Hiệp, xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

**2. Nguyễn Văn H**(tên gọi khác: Khế); Sinh năm: 20-4-1996, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Thôn x, xã y, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Cư trú tại: Thôn x, xã y, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 0/12, không biết chữ; Bố: Nguyễn Thành Tr, mẹ: Huỳnh Thị Thu C; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chung sống như vợ chồng với Dương Thị Q; Tiền án - Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Thành (Có mặt).

- *Bị hại:* Bà Lê Thị T – Sinh năm 1966

Cư trú tại: Thôn x1, xã y1, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Bình D, cư trú tại: Tổ x2, ấp y2, xã z2, huyện TT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (vắng mặt)

2. Ông Lê Tiến D, cư trú tại: Khu x3, ấp y3, xã z3, huyện TT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (vắng mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:* Bà Nguyễn Thị O– Sinh năm 1979, cư trú tại: Thôn Phước Hiệp, xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Bà Hoàng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 13 giờ ngày 03-04-2017, Lê Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên đã đến Trường mẫu giáo TH thuộc xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khi đến nơi, thấy mọi người trong trường đang ngủ trưa, T liền trèo qua hàng rào để vào bên trong rồi đi đến khu vực bếp của trường thì phát hiện có 01 chiếc bóp của bà Lê Thị T, bên trong có 9.000.000 đồng; 500USD; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đang để trên bàn gần cửa sổ, T liền lấy trộm chiếc bóp rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài. Sau khi lấy trộm được tài sản, T giữ lại số tiền 9.000.000 đồng, còn 500 USD và 02 chiếc điện thoại di động thì T đưa cho Nguyễn Văn H mang đi bán và đổi sang tiền Việt nam đồng. H biết số tài sản trên là do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang đi tiêu thụ. Sau đó, H đến tiệm vàng “Dũng” của Lê Tiến D, đổi 500 USD được số tiền 11.200.000 đồng, còn 02 điện thoại di động thì mang đến tiệm điện thoại của Nguyễn Bình D, bán được 4.000.000 đồng. H mang toàn bộ số tiền trên về đưa cho T, T nhận tiền và chia cho H 6.000.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL ngày 31/05/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tân Thành, kết luận:

- 01 máy điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus, màu xám trị giá 13.020.000 đồng;

- 01 máy điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6, màu xám trị giá 4.650.000 đồng;

- 500USD tính vào ngày 03-4-2017 trị giá 11.395.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 38.065.000 đồng (Ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

*Về vật chứng vụ án:* Số tiền 1.400.000 đồng thu được của bị cáo Nguyễn Văn H đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành.

*Về trách nhiệm dân sự:* Bà Lê Thị T yêu cầu bồi thường số tiền

Đối với Lê Tiến D, Nguyễn Bình D: Do không biết tài sản Nguyễn Văn H mang đến bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 157/KSĐT-KT ngày 14-11-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Lê Văn T phạm vào tội “Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 1, Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị

cáo Nguyễn Văn H phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Khoản 1, Điều 250 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận định giá hay các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

*Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng công khai, dân chủ và không bị hạn chế:*

Ý kiến của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố; và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt với từng bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 60 BLHS để xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 đến 12 tháng tù;

*Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà Lê Thị T.

*Về xử lý vật chứng:* Trả số tiền 1.400.000 đồng cho bà Lê Thị T. Buộc bị cáo H phải nộp sung công số tiền 4.600.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh, không oan. Các bị cáo nói lời sau cùng; bị cáo T: Ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo H: Ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo T đồng ý bồi thường cho người bị hại.

*Về xử lý vật chứng:* Bị cáo H thừa nhận số tiền 1.400.000 đồng bị thu giữ có nguồn gốc do bán 500USD; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của bà Lê Thị T. Nên bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho bị hại. Đối với số tiền thu lời bất chính bị cáo đồng ý nộp sung quỹ nhà nước.

Bị hại: Bà T tuy vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu bị cáo T phải bồi thường trị giá tài sản đã chiếm đoạt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị O đồng ý cùng với bị cáo bồi thường cho người bị hại. Bà cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị O đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo T nhất trí đối với tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo T. Tuy nhiên đề nghị xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị cho bị cáo T hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự do bị cáo gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại và hiện nay vẫn chưa khắc phục và thu hồi được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 03-04-2017, tại Trường mẫu giáo THthuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh BR – VT, Lê Văn T đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản để trộm cắp của bà Lê Thị T số tiền 9.000.000 đồng; 500 USD; 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6. Tổng giá trị tài sản Lê Văn T đã chiếm đoạt là 38.065.000 đồng. Đối với Nguyễn Văn Hù biết số tài sản nêu trên là do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang đi tiêu thụ và được T cho 6.000.000 đồng.

Vì vậy việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành truy tố đối với bị cáo Lê Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự; và bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội, không oan.

Tuy nhiên so sánh thấy tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất là 20 năm tù nên nhẹ hơn so với mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất là chung thân theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] *Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội:* Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo T đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo H cũng là nguy hiểm cho xã

hội, tuy không là đồng phạm trong vụ trộm cắp tài sản nhưng bị cáo biết rõ tài sản đem đi tiêu thụ là phi pháp nhưng chỉ vì tham lam tư lợi đã tiếp tay cho tội phạm khác, xâm phạm đến quyền tài sản của công dân, tạo điều kiện cho các loại tội phạm xâm phạm quyền sở hữu ngày càng gia tăng hiện nay, đồng thời gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

*[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra đến khi xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng thêm tình tiết tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, thì Hội đồng xét xử cho rằng hành vi của bị cáo T đã gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại và cho đến nay vẫn chưa khắc phục được nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết trên. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo T khi phạm tội là người chưa thành niên, hiểu biết nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng các tình tiết quy định đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự. Đồng thời xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có nhân thân tốt lại có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách như đề nghị của Viện kiểm sát và luật sư là cũng đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

*[5] Về trách nhiệm dân sự:* Do tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Odòng ý bồi thường cùng với bị cáo T nên buộc bà Nguyễn Thị Ova và bị cáo T liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 36.065.000 đồng .

*[6] Về xử lý vật chứng:* Do bị cáo H xác nhận số tiền 1.400.000 đồng có nguồn gốc từ việc tiêu thụ tài sản của bà Thê nên cần tuyên trả số tiền 1.400.000 đồng cho bà Thê.

Buộc bị cáo H phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 3.600.000 đồng.

*[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 , điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án; Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng: khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2017.

Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo T và bà Nguyễn Thị O phải liên đới bồi thường số tiền 36.065.000 đồng cho bà Lê Thị T.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp sung quỹ nhà nước số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Trả số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) cho bà Lê Thị T.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.803.250 đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người vắng mặt tính tình ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- THA DS huyện Tân Thành;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Tân Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

**Hoàng Bảo Ngọc**

